

5. Xã Nam Ninh

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
1	Quốc lộ 21			
	Đoạn từ giáp đất xã Nam Hồng đến cầu 19/5 (cầu Công Chính)	17.000	8.500	4.300
	Đoạn từ cầu 19/5 (Cầu Công Chính) đến cầu Thôn Nội	18.000	9.000	4.500
	Đoạn từ cầu thôn Nội đến giáp công Cỏ Lẽ (Giáp xã Cỏ Lẽ)	19.200	9.600	4.900
2	Quốc lộ 21B (đường sông Châu Thành)			
	Đoạn từ giáp xã Nam Minh (Nam Tiến cũ) đến cầu Ghềnh	14.000	7.000	3.500
	Đoạn từ cầu Ghềnh đến giáp xã Trục Ninh	13.000	6.500	3.300
3	Tỉnh lộ 485B (Đường Vàng cũ)			
	Từ giáp đất xã Nam Trục đến giáp đất xã Nam Hồng	13.000	4.000	2.000
4	Tỉnh lộ 487B (Đường Trắng cũ)			
	Từ ngã ba Ngọc Giang đến thôn cỏ Chử xã Nam Minh	13.000	6.600	3.300
5	Tỉnh lộ 487 (Đường Đen cũ)			
	Đoạn từ giáp xã Cỏ Lẽ đến giáp xã Nam Minh	13.000	6.500	3.300
6	Tỉnh lộ 487C (Đường Nam Ninh Hải cũ)			
	Đoạn từ đường Vàng đến ngã ba Ngọc Giang	9.000	4.500	2.300
	Đoạn từ ngã ba trung tâm GDTX đến giáp xã Nam Hồng	8.000	4.000	2.000
	Đoạn từ xã Nam Hồng đến thôn Bình Yên	9.000	4.500	2.300
	Đoạn từ cầu Xối Tây đến Cầu Ngọc Tỉnh	10.000	5.600	2.800
	Đoạn từ cầu Ngọc Tỉnh đến giáp xã Cát Thành	8.000	4.000	2.000
7	Đường Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển			
	Đoạn giáp phường Hồng Quang đến giáp xã Nam Hồng	10.000	5.000	2.500
	Đoạn giáp xã Nam Hồng đến giáp đất xã Cỏ Lẽ	12.000	6.000	3.000
8	Đường Hoa Lợi Hải			
	Đoạn từ giáp máng nôi (xã Nam Hùng cũ) đến đường TL487B (đường Trắng cũ - UBND xã)	9.000	4.600	2.300

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
	Đoạn từ Cầu nhà máy nước đến ngã ba thôn Duyên Hưng (xã Nam Lợi cũ)	8.000	4.000	2.100
	Từ giáp ngã ba thôn Duyên Hưng đến công Ba Ngự (xã Nam Hải cũ)	7.000	3.600	1.800
9	Đường Thái Hải			
	Đoạn từ giáp xã Nam Đồng đến Quốc lộ 21B	4.200	2.100	1.100
10	Đường xã, đường liên thôn (tên bảng giá cũ: Đường trục xã)			
	Đường Thanh Lợi: Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 21 đến đường Nam Ninh Hải	5.000	2.500	1.300
	Đường Thanh Lợi: Đoạn từ Giáp đường Hoa Lợi Hải đến Cầu Bình yên	5.000	2.500	1.300
	Đoạn từ giáp tỉnh lộ 487 đến xóm chùa Hạ Lao	4.000	2.000	1.100
	Đoạn giáp quốc lộ 21 đến trường THCS Nguyễn Hiền	4.000	2.000	1.100
	Đoạn từ giáp đất xã Nam Minh (Nam Tiến) đến cầu Ghềnh	4.000	2.100	1.100
	Đoạn từ cầu Thiệu đến giáp đường Nam Ninh Hải	4.000	2.000	1.100
	Đoạn từ ngã ba cầu Ghềnh đến cầu Thiệu	4.200	2.100	1.100
11	Khu dân cư tập trung thôn Nội			
	Đoạn đường D1 (dọc Sông - từ Cầu vào trong KDC)	9.200		
	Đoạn đường N1 (phía Bắc KDC)	10.000		
	Các đoạn đường còn lại trong KDC	8.700		
12	Khu dân cư tập trung thôn Xối Trì			
	Đường N1	12.000		
	Đường N2	10.000		
13	Khu dân cư tập trung Nam Hải			
	Đường D1	18.000		
	Đường D2	10.000		

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
14	Khu dân cư tập trung Nam Lợi			
	Đường N1 (đường giữ KDC nối từ đường Hoa Lợi Hải vào trong KDC nối với đường D2 và đường D3)	10.000		
	BT1-01	11.000		
	BT1-02, BT2-01	7.500		
	BT2-02	7.000		
	BT3-01, BT3-02	6.500		
	Đường D1(đường Hoa lợi Hải)	12.000		
	Đường D2 (đường giữa KDC theo hướng Bắc Nam	8.400		
	Đường D3 (đường trong cùng phía Đông KDC theo hướng Bắc Nam	7.500		
15	Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan			
	Đường D1	12.000		
	Đường D2	8.000		
16	Khu dân cư tập trung, khu tái định cư xã Nam Hoa (cũ)			
	Đường D1	15.000		
	Đường D2	13.000		
	Đường N1	15.000		
	Đường N2	11.000		
	Đường N3	9.000		
17	Khu dân cư tập trung thôn Xối Tây			
	Đường D1	15.000		
	Đường D2	13.000		
	Đường N1	15.000		
	Đường N2	11.000		
	Đường N3	10.000		
18	Các đoạn đường, tuyến đường còn lại			
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	3.000		
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m -5m	2.000		
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1.000		